

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG****BỘ THÔNG TIN VÀ  
TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2011/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2011

**THÔNG TƯ****Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

**QUY ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 tại Việt Nam.

**Điều 3. Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2**

1. Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Theo từng thời kỳ, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ soát xét, sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phù hợp với chính sách quản lý của Nhà nước.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý**

Việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 quy định tại Thông tư này được thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia và quy định quản lý chất lượng tương ứng do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2011.
2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thành Hưng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CÓ KHẢ NĂNG GÂY**  
**MẤT AN TOÀN THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA**  
**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*(Kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BTTTT ngày 01 tháng 7 năm 2011  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

TT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
<b>1</b>	<b>Thiết bị đầu cuối</b>
1.1	Thiết bị đầu cuối kết nối mạng viễn thông công cộng qua giao diện tương tự hai dây
1.2	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất công cộng
1.3	Thiết bị đầu cuối xDSL
1.4	Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng viễn thông công cộng sử dụng kênh thuê riêng
<b>2</b>	<b>Thiết bị vô tuyến điện</b>
2.1	Thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz, có công suất phát từ 60 mW trở lên
2.2	Thiết bị ra đa
2.3	Thiết bị trợ giúp bằng sóng vô tuyến điện
2.4	Thiết bị điều khiển xa bằng sóng vô tuyến điện
<b>3</b>	<b>Thiết bị mạng</b>
3.1	Thiết bị truyền dẫn vi ba số
3.2	Thiết bị truyền dẫn quang
<b>4</b>	<b>Thiết bị công nghệ thông tin</b>
4.1	Máy tính cá nhân để bàn (Desktop computer)
4.2	Máy tính chủ (Server)
4.3	Máy tính xách tay (Laptop and Portable computer)
4.4	Thiết bị trợ giúp cá nhân (PDA)
4.5	Thiết bị định tuyến (Router)
4.6	Thiết bị tập trung (Hub)
4.7	Thiết bị chuyển mạch (Switch)
4.8	Thiết bị cổng (Gateway)
4.9	Thiết bị cầu (Bridge)
4.10	Thiết bị tường lửa (Firewall)
4.11	Thiết bị giải mã tín hiệu truyền hình (Set Top Box)